

Số: **1644/2019/QĐST-HNGĐ**

*B, ngày 4 tháng 10 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1704/2019/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Khánh N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: KP Long Đức 1, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông **Phạm Thành T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 54, tổ 3, KP Long Đức 1, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Khánh N, sinh năm 1991 và ông Phạm Thành T, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Nhật Thịnh, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018. Ly hôn giao cháu Thịnh cho bà N nuôi dưỡng. Tạm thời Ông T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tài sản chung của vợ chồng không có, về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí sơ thẩm hòa giải thành: Bà Bùi Thị Khánh N và ông Phạm Thành T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí, do đó: Bà Bùi Thị Khánh N phải nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008926 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. B. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Khánh N 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Thu Thương**